



lpard

AGRO@NFO

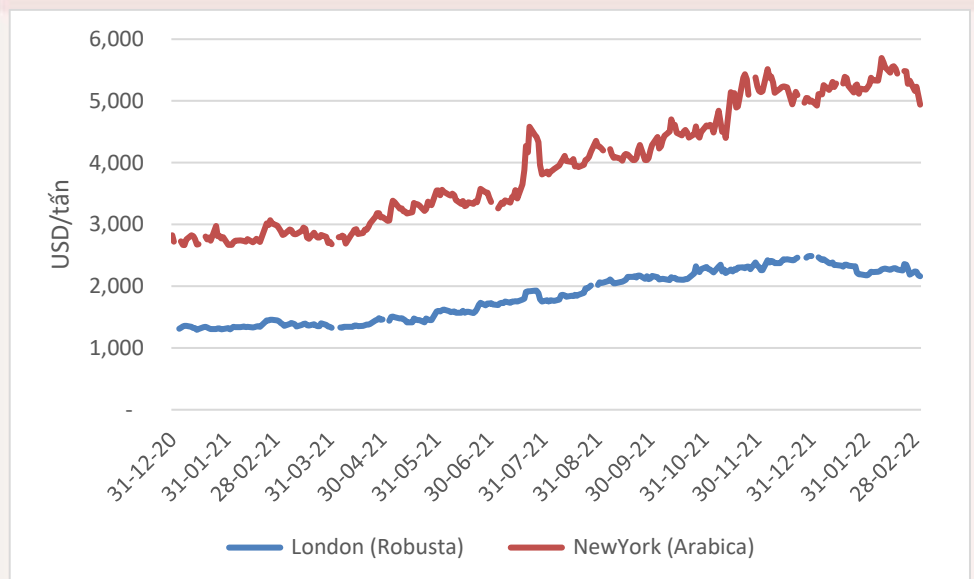
Tuần 9
(28.02.2022 – 04.03.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T5/2022 giảm 3,73% so với tuần trước xuống mức bình quân 2.203 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2022 giảm 5,35% so với mức giá tuần trước xuống mức bình quân 5.104 USD/tấn.
- ❖ Chính phủ Brazil đã báo cáo rằng xuất khẩu cà phê nhân của nước này trong tháng 2 là 290.200 bao hay cao hơn 9,11% so với cùng tháng năm ngoái.
- ❖ Viện Cà phê Quốc gia Honduras (IHCAFE) đã báo cáo dữ liệu sơ bộ xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 2 là 19.832 bao hay cao hơn 3,09% so với cùng tháng năm ngoái.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 5/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.203 USD/tấn, giảm 3,73% so với tuần trước, và tăng 56,86% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.239 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.162 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 5/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 5.104 USD/tấn, giảm 5,35% so với mức giá tuần trước và tăng 77,58% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.230 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.942 USD/tấn.

Chính phủ Brazil đã báo cáo rằng xuất khẩu cà phê nhân của nước này trong tháng 2 là 290.200 bao, cao hơn 9,11% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng số là 3.475.183 bao.

Liên đoàn người trồng cà phê quốc gia ở Colombia đã báo cáo rằng sản lượng cà phê của nước này trong tháng 2 là 179.000 bao hay thấp hơn 16,16% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng số là 928.000 bao. Điều này đã góp phần làm cho xuất khẩu cà phê lũy kế của nước này trong 5 tháng đầu năm từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 9 năm 2022 là 1.209.000 bao hoặc thấp hơn 18,51% so với cùng kỳ năm trước, ở mức tổng cộng 5.324.000 bao.

Viện Cà phê Quốc gia Honduras (IHCAFE) cho biết xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 1 là 57.390 bao, cao hơn 12,33% so với cùng kỳ năm ngoái, với tổng số là 522.865 bao. Điều này đã góp phần đưa xuất khẩu cà phê lũy kế trong 4 tháng đầu của niên vụ cà phê tháng 10 năm 2021 đến tháng 9 năm 2022 là 259.781 bao, cao hơn 34,92% so với cùng kỳ năm trước, với tổng số 1.003.680 bao. Sự gia tăng xuất khẩu cà phê trong tháng 1 có thể là do những hạn chế liên quan đến đại dịch Covid trong năm ngoái, cũng như các cơn bão Eta và Iota gây ra thiệt hại nghiêm trọng về cơ sở hạ tầng trong tháng 10 và tháng 11 năm 2021, những tác động này đã làm chậm lại vận chuyển cà phê nội địa của Honduras vào đầu năm 2021.

Viện Cà phê Quốc gia Honduras (IHCAFE) đã điều chỉnh dự báo giảm 12,80% so với dữ liệu sơ bộ dự báo rằng trong niên vụ cà phê hiện tại từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 9 năm 2022, trước đó nước này dự kiến sẽ xuất khẩu 5.074.622 bao, thấp hơn 13,60% so với cùng kỳ năm trước. Báo cáo cho biết sự sụt giảm khối lượng xuất khẩu là do sự lây lan của bệnh gỉ sắt cà phê.

Viện Cà phê Quốc gia Honduras (IHCAFE) đã báo cáo dữ liệu sơ bộ xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 2 là 19.832 bao, cao hơn 3,09% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng số 661.580 bao. Điều này đã góp phần đưa xuất khẩu cà phê lũy kế 5 tháng đầu của niên vụ cà phê tháng 10 năm 2021 đến tháng 9 năm

2022 đạt 263.210 bao hay cao hơn 18,99% so với cùng kỳ năm trước, đạt tổng cộng 1.648.858 bao.

Theo ICO, cơ quan này điều chỉnh ước tính tổng sản lượng cà phê thế giới trong niên vụ 2020 - 2021 giảm nhẹ xuống 168,9 triệu bao, giảm 0,1% so với 169 triệu bao của niên vụ 2019 - 2020.

Trong đó, sản lượng cà phê arabica đạt 99,3 triệu bao, tăng 2,2% từ 97,1 triệu bao trong niên vụ 2019 - 2020; trong khi sản lượng robusta ước tính đạt 69,6 triệu bao, giảm so với 71,9 triệu bao của niên vụ trước.

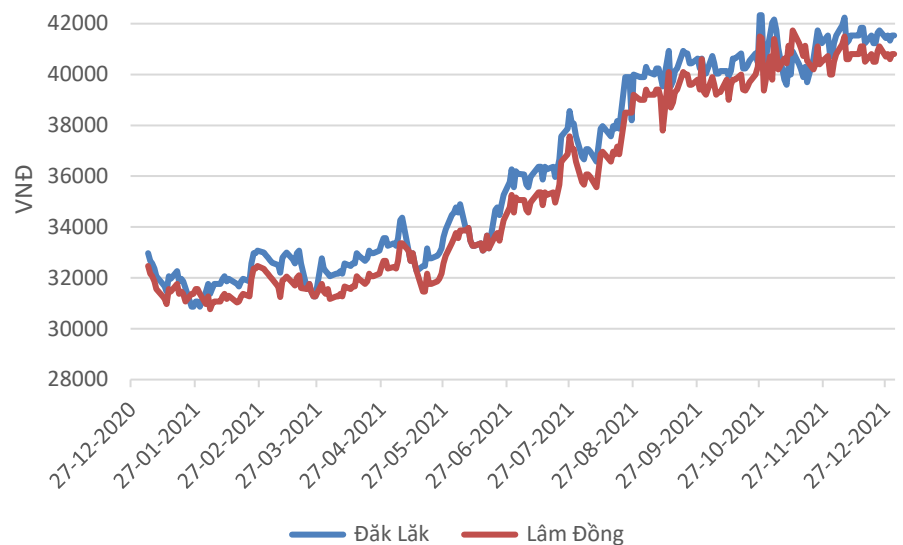
Đồng thời, tiêu thụ cà phê thế giới được ICO điều chỉnh tăng lên 167,7 triệu bao trong niên vụ 2020 - 2021 vừa qua, tăng 1,9% (tương ứng tăng 3,1 triệu bao) so với 164,6 triệu bao của niên vụ 2019 - 2020. Tuy nhiên, mức tiêu thụ này vẫn thấp hơn so với 170,3 triệu bao trước đại dịch.

Chênh lệch giữa sản xuất và tiêu thụ cà phê trong niên vụ 2020 - 2021 thu hẹp xuống còn 1,2 triệu bao, thấp hơn đáng kể so với mức 2 triệu bao trước đại dịch.

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên giảm hơn 1.000 đồng/kg. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 39.953 đồng/kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 39.420 đồng/kg.
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn giảm 1,34% so với tuần lên mức 2.287 USD/tấn.
- ❖ Cây cà phê là cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện Mai Sơn, với tổng diện tích trên 6.000 ha, trong đó, có gần 5.500 ha đang cho sản phẩm.
- ❖ Theo số liệu thống kê, khu vực Tây Nguyên hiện có hơn 603.000 ha cà phê đang cho thu hoạch. Trong đó, Đắk Lắk có diện tích cà phê lớn nhất toàn vùng, với gần 210.000 ha, chiếm 62,06% trong tổng diện tích cây lâu năm của toàn tỉnh.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 39.953 đồng/kg, giảm 3,45% so với tuần trước và tăng 21,81% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta giảm 3,48% so với tuần trước, xuống mức bình quân 39.420 đồng/kg và tăng 22,61% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.134,0 USD/tấn, giảm 6,71% so với tuần trước.

Cây cà phê là cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện Mai Sơn, với tổng diện tích trên 6.000 ha, trong đó, có gần 5.500 ha đang cho sản phẩm. Hiện, toàn huyện có 3.400 ha cà phê được cấp chứng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và UTZ; 956 hộ trên địa bàn xã Chiềng Ban, Chiềng Chung, Mường Chanh ký cam kết thực hiện xây dựng vùng cà phê ứng dụng công nghệ cao với hơn 545 ha, trong đó diện tích trồng thuần cây cà phê hơn 510 ha. Niên vụ cà phê năm 2021-2022, nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, năng suất cà phê trung bình đạt 16 tấn/ha, tổng sản lượng ước đạt gần 90.700 tấn.

Tây Nguyên là vùng trồng cà phê lớn và giữ vị trí quan trọng nhất trong ngành hàng cà phê cả nước. Cà phê Tây Nguyên đã xuất đi nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ, thu về hàng trăm triệu USD mỗi năm. Tuy nhiên, nhìn từ thực tế, cà phê Việt Nam chưa nằm trong phân khúc cà phê giá trị cao, nên lợi nhuận mang đến cho nông dân còn rất thấp do người trồng cà phê "cống" nhiều chi phí.

Theo số liệu thống kê, khu vực Tây Nguyên hiện có hơn 603.000 ha cà phê đang cho thu hoạch. Trong đó, Đắk Lắk có diện tích cà phê lớn nhất toàn vùng, với gần 210.000 ha, chiếm 62,06% trong tổng diện tích cây lâu năm của toàn tỉnh.

Theo báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, hình thức tổ chức sản xuất cà phê trên địa bàn Đắk Lắk chủ yếu là sản xuất cá thể, quy mô nhỏ lẻ, manh mún. Gần 90% diện tích cà phê của tỉnh là do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý.

Chính vì vậy, các khâu thu hái, sơ chế vẫn ở tình trạng “mạnh ai nấy làm”, nên việc kiểm soát chất lượng ở các khâu này rất khó. Hiện chỉ có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh, do các đơn vị thuộc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, các công ty cà phê thuộc tỉnh Đắk Lắk và doanh nghiệp quản lý.

Hơn 40 năm nay, cây cà phê đã định hình là cây trồng trọng tâm, trọng điểm của tỉnh Đắk Lắk. Trước đây, toàn tỉnh chỉ có 5.000 ha, thì hơn 10 năm nay diện tích cà phê đã tăng lên hơn 200.000 ha. Cây cà phê là cây trồng chủ lực của tỉnh. Có 13/15 huyện, thị xã, thành phố, cà phê chiếm tỷ trọng kinh tế khá lớn.

Cây cà phê chi phối chủ đạo kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk và không có cây trồng nào có thể thay thế được. Tuy nhiên, hiện nay người trồng cà phê đang gặp rất nhiều khó khăn, vật tư đầu vào cùng các loại chi phí khá lớn.

Để bảo đảm thu nhập, lợi nhuận cho người sản xuất ngành hàng cà phê phát triển, chúng ta không thể yêu cầu giá cao lên, mà phải tìm cách hạ giá thành sản xuất xuống. Người sản xuất cà phê phải chủ động thay đổi phương thức canh tác, để giảm được chi phí và đồng thời nâng cao chất lượng cà phê...

Huyện Cư M'gar, là địa phương có diện tích cà phê lớn của tỉnh Đắk Lắk, với hơn 37.800 ha. Hiện nông dân trên địa bàn huyện đang tập trung tưới đợt 1, để bảo đảm đủ nước cho cây sinh trưởng.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, tình hình nhiễm bệnh trên cây cà phê tính đến 03/03 như sau: (i) Bệnh khô cành: Diện tích nhiễm 8.977 ha (tăng 1.124 ha so với kỳ trước, giảm 2.561 ha so CKNT), diện tích nhiễm nặng 62 ha, đã phòng trừ trong kỳ 14.352 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Quảng Trị, Điện Biên, Bình Phước, Đồng Nai,... (ii) Bệnh gỉ sắt: Diện tích nhiễm 8.280 ha (tăng 165 ha so với kỳ trước, giảm 867 ha so CKNT) diện tích nhiễm nặng 38 ha; đã phòng trừ trong kỳ 14.412 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Quảng Trị, Bình Phước, Đồng Nai, ...

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <http://baosonla.org.vn/vi/bai-viet/cai-tao-phuc-hoi-vuon-ca-phe-sau-thu-hoach-48245>
8. <https://baodantoc.vn/giai-bai-toan-nang-tam-gia-tri-ca-phe-tay-nguyen-nghich-ly-gia-cao-nong-dan-van-lo-bai-1-1645856796377.htm>
9. <https://www.ppd.gov.vn/tin-moi-nhat/thong-bao-tinh-hinh-dich-hai-tuan-04-thang-02-nam-2022.html>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	40,400	39,800	39,300	38,900	38,700	39,420	-1420
Bảo Lộc	40,400	39,800	39,300	38,900	38,700	39,420	-1420
Di Linh	40,400	39,800	39,300	38,900	38,700	39,420	-1420
Lâm Hà	40,400	39,800	39,300	38,900	38,700	39,420	-1420
ĐẮK LẮK	40,933	40,333	39,833	39,433	39,233	39,953	-1427
Cư M'gar	41,000	40,400	39,900	39,500	39,300	40,020	-1400
Ea H'leo	40,900	40,300	39,800	39,400	39,200	39,920	-1440
Buôn Hồ	40,900	40,300	39,800	39,400	39,200	39,920	-1440
GIA LAI	40,833	40,633	39,733	39,333	39,133	39,933	-1360
Pleiku	40,800	40,800	39,700	39,300	39,100	39,940	-1320
Chư Prông	40,900	40,300	39,800	39,400	39,200	39,920	-1440
La Grai	40,800	40,800	39,700	39,300	39,100	39,940	-1320
ĐẮK NÔNG	40,850	40,250	40,300	39,350	39,150	39,980	-1330
Đắk R'lấp	40,800	40,200	40,800	39,300	39,100	40,040	-1220
Gia Nghĩa	40,900	40,300	39,800	39,400	39,200	39,920	-1440
KON TUM	40,800	40,200	39,800	39,400	39,200	39,880	-1460
Đắk Hà	40,800	40,200	39,800	39,400	39,200	39,880	-1460
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	2,233	2,145	2,139	2,085	2,068	2,134	-153

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn